

Số: 65/2021/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Bắc, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 342/2020/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T 3, xã T, huyện M, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Dương Quang L, sinh năm 1993 và Dương Hoài P, sinh năm 2000, cả hai đã thành niên nên không đề cập.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

+ Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Ngọc L được quyền sử dụng một phần đất thuộc thửa đất số 8 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/6/2021 là thửa đất số 8B; thửa đất cũ là 321 và 322, tờ bản đồ số 1), tờ bản đồ số 3, diện tích 2.150 m², trong đó có 2.000 m² đất CLN và 150 m² đất ONT, tọa lạc ấp Thanh Xuân 3,

xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Ông Dương Văn T được quyền sử dụng một phần đất thuộc thửa đất số 8 (theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/6/2021 là thửa đất số 8A thửa đất cũ là 321 và 322, tờ bản đồ số 1), tờ bản đồ số 3, diện tích 2.904,5 m², trong đó có 2.754,5 m² đất CLN và 150 m² đất ONT, tọa lạc ấp Thanh Xuân 3, xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T thống nhất thỏa thuận tất cả cây trồng, công trình (nhà, nhà tạm, chuồng trại và nhà tắm) có trên phần đất của ai thì người đó được nhận không phải hoàn trả lại giá trị cho người còn lại. Phần tài sản này bà L và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T thống nhất chừa lối đi chung để đi ra lộ công cộng là đường đất theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 14/6/2021.

Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Về nợ chung: Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T thống nhất không có nên không đề cập.

- Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Bùi Thị Ngọc L tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm nên phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003791 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, bà Ly được nhận số tiền còn lại là 150.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Bùi Thị Ngọc L tự nguyện chịu 10.864.000 đồng nên phải nộp 10.864.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.444.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003792 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, bà Ly được nhận số tiền còn lại là 580.000 đồng.

Ông Dương Văn T tự nguyện chịu 14.482.000 đồng nên phải nộp 14.482.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng khác (chi phí thẩm định, đo đạc, định giá và trích lục): Bà Bùi Thị Ngọc L và ông Dương Văn T mỗi người phải nộp 2.316.000 đồng nhưng do bà Ly đã tạm nộp xong nên buộc ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền là 2.316.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- UBND xã Thanh Tân, Mẫu TP/HT6, số, 1147/04/96, Quyền số 04, ngày 15/10/1996 (01b);
- Đương sự (02b);
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án (02b).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Nhớ